

Số: 1261/QĐ-BVUBĐN

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-BVUBĐN ngày 25/08/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-BVUBĐN ngày 09 tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;



Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-BVUBĐN ngày 29/09/2025 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT các gói thầu thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Biên bản mở E-HSDT qua mạng ngày 29/09/2025 Gói thầu số 01 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 01/BC-TCGDGE-HSDT của Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT ngày 31/10/2025 Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Biên bản mở chào lại giá ngày 07/11/2025 Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu từ ngày 03/11/2025 đến ngày 13/11/2025 giữa Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng và các nhà thầu;

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-TCGDGE-HSDT của Tổ chuyên gia về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐKQLCNT ngày 21/11/2025 của Tổ thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500362108 - 00

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch, huyết học, xét nghiệm nước tiểu, tách tiểu cầu, tách tế bào gốc, bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung, định nhóm máu, điện di protein, định danh kháng sinh đồ và các hóa chất nội kiểm, ngoại kiểm cho bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027.

- Giá gói thầu: 45.591.385.618 VND

- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, trong nước.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 Tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MINH VY	178.710.000	24 tháng	24 tháng	
2	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	316.221.234	24 tháng	24 tháng	
3	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI	347.176.800	24 tháng	24 tháng	
4	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH	403.114.000	24 tháng	24 tháng	
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGÔI SAO VIỆT	235.148.000	24 tháng	24 tháng	
6	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	2.186.574.600	24 tháng	24 tháng	
7	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CỎNG VÀNG	2.573.740.000	24 tháng	24 tháng	
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG	7.208.246.675	24 tháng	24 tháng	
9	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	15.536.961.060	24 tháng	24 tháng	
10	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG	16.564.900.000	24 tháng	24 tháng	
TỔNG CỘNG: 10 NHÀ THẦU		45.550.792.369			

Chi tiết Theo phụ lục 01 đính kèm.



Phụ lục 01

THÔNG TIN NHÀ THẦU TRÚNG THẦU GÓI THẦU SỐ 01: MUA SẴM HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ DÙNG CHO MÁY HÓA MÔ MIỄN DỊCH, HUYẾT HỌC, XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU, TÁCH TIỂU CẦU, TÁCH TẾ BÀO GỐC, BỘ KÍT XÉT NGHIỆM UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, ĐỊNH NHÓM MÁU, ĐIỆN DI PROTEIN, ĐỊNH DANH KHÁNG SINH ĐỒ VÀ CÁC HÓA CHẤT NỘI KIỂM, NGOẠI KIỂM CHO BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG NĂM 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 1261 /QĐ-BVUBĐN ngày 25 /11/2025)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MINH VY	0315894992	178.710.000	178.710.000	178.710.000	24 tháng	24 tháng	
2	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	3700303206	316.221.234	316.221.234	316.221.234	24 tháng	24 tháng	
3	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI	0310631534	347.176.800	347.176.800	347.176.800	24 tháng	24 tháng	
4	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH	0311733313	403.114.000	403.114.000	403.114.000	24 tháng	24 tháng	
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGÔI SAO VIỆT	0108538481	239.792.000	235.148.000	235.148.000	24 tháng	24 tháng	
6	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC	0310913521	2.186.574.600	2.186.574.600	2.186.574.600	24 tháng	24 tháng	
7	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	2.573.740.000	2.573.740.000	2.573.740.000	24 tháng	24 tháng	
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG	0400567178	7.208.246.675	7.208.246.675	7.208.246.675	24 tháng	24 tháng	
9	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	0309781158	15.536.961.060	15.536.961.060	15.536.961.060	24 tháng	24 tháng	
10	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG	0101088272	16.564.900.000	16.564.900.000	16.564.900.000	24 tháng	24 tháng	
TỔNG CỘNG: 10 NHÀ THẦU			45.555.436.369	45.550.792.369	45.550.792.369			



Phụ lục 02

THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU GÓI THẦU SỐ 01: MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ DÙNG CHO MÁY HÓA MÔ MIỄN DỊCH, HUYẾT HỌC, XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU, TÁCH TIỂU CẦU, TÁCH TẾ BÀO GÓC, BỘ KÍT XÉT NGHIỆM UNG THU CỔ TỬ CUNG, ĐỊNH NHÓM MÁU, ĐIỆN DI PROTEIN, ĐỊNH DANH KHÁNG SINH ĐỒ VÀ CÁC HÓA CHẤT NỘI KIỂM, NGOẠI KIỂM CHO BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG NĂM 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 1261/QĐ-BVUBĐN ngày 25 /11/2025)

STT	Nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGÔI SAO VIỆT	0108538481	PP2500403422	Que thử nước tiểu 11 thông số	Nhà thầu xếp hạng 2
TỔNG CỘNG: 01 PHẦN LÔ					

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU GÓI THẦU SỐ 01: MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ DÙNG CHO MÁY HÓA MÔ MIỄN DỊCH, HUỆT HỌC, XÉT NGHIỆM NƯỚC TIÊU, TÁCH TIÊU CẦU, TÁCH TẾ BÀO GỐC, BỘ KÍT XÉT NGHIỆM UNG THƯ CỘ TỬ CUNG, ĐỊNH NHÓM MÁU, ĐIỆN DI PROTEIN, ĐỊNH DANH KHÁNG SINH ĐỎ VÀ CÁC HÓA CHẤT NỘI KIỂM, NGOẠI KIỂM CHO BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG NĂM 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 126/QĐ-BVUBĐN ngày 25/11/2025)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
I	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG															16.564.900.000	
1	PP25004 03420	Kit thu nhận tế bào gốc	Kit thu nhận tế bào gốc	Spectra Optia IDL Set (kèm theo 01 túi chống đông)	10310	Spectra Optia IDL Set (kèm theo 01 túi chống đông)	Năm 2025 trở về sau	Costa Rica	TFB Manufacturing SRL	Vô trùng - Bộ kit gồm các hệ thống dây, đường dịch thay thế, các túi thu sản phẩm, kênh ly tâm + Có đường dây chống đông và đường nước muối gắn màng lọc vô trùng + Có 1 túi chứa khí + Có đường thay thế dịch + Có van một chiều + Có màng cảm biến áp lực đầu vào/ màng cảm biến áp lực buồng ly tâm + Có 1 túi chứa sản phẩm, thể tích 940ml. + Có kênh ly tâm + Thể tích vòng tuần hoàn ngoài chuẩn 253 ml Bộ kit có kèm theo túi chống đông đi cùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 Dùng tương thích với máy tách tế bào gốc Spectra optia	Bộ	13		5.500.000	71.500.000		
2	PP25004 03421	Kit thu nhận tiểu cầu	Kit thu nhận tiểu cầu	Trima Accel LRS Platelet, Plasma Set (kèm theo 01 túi chống đông)	80300	Trima Accel LRS Platelet, Plasma Set (kèm theo 01 túi chống đông)	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Terumo BCT Vietnam Co., Ltd.	Bộ kit thu nhận tiểu cầu, túi đôi gồm các thành phần: Các đường dây, các túi thu nhận tiểu cầu, túi thu huyết tương, kênh ly tâm Kín, vô trùng và có phin lọc khuẩn trên đường dây chống đông Thu nhận được 2 đơn vị tiểu cầu/ 1 lần thu. - Có màng lọc khoảng 200 microns trên đường trả máu về. - Có buồng giảm thiểu bạch cầu. - Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về Thể tích ngoài tuần hoàn 196 ml. Bộ kit được cung cấp cùng 01 túi dung dịch chống đông. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Tương thích với Máy tách tiểu cầu Trima Accel.	Bộ	3.850		4.284.000	16.493.400.000		
II	CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT MẠI MINH VY															178.710.000	
3	PP25004 03422	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu 11 thông số	Uri-Screen 11 (150 test)	20111	Dutch	2024 trở về sau	Đức	Analyticon Biotechnologies GmbH	- Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Que thử nước tiểu sử dụng tương thích được với máy Combiscan	Que	46.000	3822	3.885	178.710.000		
III	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH															403.114.000	
4	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm huyết học	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm huyết học (RIQAS Monthly Haematology Programme)	RQ9140A, RQ9140B, RQ9140C, RQ9140D	RQ9140A, RQ9140B, RQ9140C, RQ9140D	Năm 2025 trở về sau		Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng trong các chương trình ngoại kiểm, đáp ứng trên 10 thông số công thức máu bao gồm cả thông số Plateleterit (PCT). Loại đóng gói từ 3x2ml trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	9	3822	4.302.000	38.718.000	
5	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HIV/Viêm gan	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm HIV/Viêm Gan (RIQAS Serology (HIV/Hepatitis) Programme)	RQ9151	RQ9151	Năm 2025 trở về sau		Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HIV/Viêm gan Đáp ứng hơn 15 thông số, bao gồm thông số Anti-CMV (Total) Loại đóng gói từ 12x1,8ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	10.987.000	43.948.000	
6	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm đông máu	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Đông máu 5 thông số (RIQAS Coagulation (Coagulation Programme))	RQ9135	RQ9135	Năm 2025 trở về sau		Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm đông máu Đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản. Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	7.700.000	30.800.000	



STT	Mã phần (tđ)	Tên phần (tđ)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
7	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm miễn dịch	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Miễn dịch (RIQAS Monthly Immunoassay Programme)	RQ9130	RQ9130	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm miễn dịch Đáp ứng trên 48 thông số, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH và 1-25-(OH)2-Vitamin D. Loại đóng gói từ 6x5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	14.282.000	57.128.000	
8	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm sinh hóa	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa (RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme)	RQ9128	RQ9128	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm sinh hóa Đáp ứng trên 50 thông số, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Loại đóng gói từ 6x5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	8.373.000	33.492.000	
9	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm HbA1c (RIQAS Glycated Haemoglobin (HbA1c) Programme)	RQ9129	RQ9129	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HbA1c Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số. Loại đóng gói từ 6x 0,5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	8.031.000	32.124.000	
10	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm nước tiểu	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm tổng phân tích Nước tiểu (RIQAS Urinalysis)	RQ9138	RQ9138	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm nước tiểu Đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu, bao gồm thông số Galactose. Mẫu dạng lỏng Loại đóng gói từ 3x12ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	9.620.000	38.480.000	
11	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm giang mai	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm Giang Mai (RIQAS Serology (Syphilis) Programme)	RQ9154	RQ9154	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm giang mai Gồm 1 thông số. Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Mẫu dạng lỏng Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	7.500.000	30.000.000	
12	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Miễn dịch Đặc Biệt I (RIQAS Immunoassay Speciality I Programme)	RQ9141	RQ9141	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I Đáp ứng trên 9 thông số, bao gồm cả thông số 1-25-(OH)2-Vitamin D, Anti-TPO, Anti-TG, Osteocalcin và PTH. Loại đóng gói từ 6x2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	13.164.000	52.656.000	
13	PP25004 03423	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Cyfra21-1	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Cyfra21-1 (RIQAS Cyfra 21-1 Programme)	RQ9175	RQ9175	Năm 2025 trở về sau	Randox Laboratories Ltd -Vương Quốc Anh	Randox Laboratories Ltd	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Cyfra21-1 Đáp ứng thông số Cyfra 21-1 (Cytokeratin 19) Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hiệu lực đến ngày 05/11/2025	Hộp	4	3822	11.442.000	45.768.000	
IV	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC														2.186.574.600	
14	PP25004 03424	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định nhóm máu bán tự động	Card định nhóm máu theo 2 phương pháp hồng cầu mẫu, huyết thanh mẫu và RhD	STARGEL10 ABO/D + Reverse (Patient)	GT2002-100	STARGEL10 ABO/D + Reverse (Patient)	2025-2026	Úc	Haemokinesis Ltd	Khả năng thực hiện xét nghiệm: Cho phép đồng thời định nhóm máu xuôi và ngược và xác định RhD Thành phần: Gel card có chứa kháng thể đơn dòng A, B và D. Đồng thời có giếng chứa chứng âm để kiểm chuẩn. 2 giếng gel trung tính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	32.890	38221300	50.190	1.650.749.100	
15	PP25004 03424	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định nhóm máu bán tự động	Card xét nghiệm định tính kháng thể, khả năng tương thích và nhóm máu	STARGEL10 Neutral	GT2010-100	STARGEL10 Neutral	2025-2026	Úc	Haemokinesis Ltd	Khả năng thực hiện xét nghiệm: sàng lọc và định danh kháng thể, xác định tính tương thích của máu và xác định nhóm máu theo kiểu ngược, phát hiện các kháng thể ở +40C và 18-250C như kháng thể M, N, P1, Le (a,b), I. Thiếu máu tan huyết liên quan đến kháng thể lạnh. Thành phần: 6 vị ống chứa dịch treo gel trung tính Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	3.450	38221300	68.250	235.462.500	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
16	PP25004 03424	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định nhóm máu bán tự động	Card xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp, phản ứng hòa hợp và xét nghiệm liên quan đến kháng thể	STARGEL10 AHG	GT2000-100	STARGEL10 AHG	2025-2026	Úc	Haemokineses Ltd	Khả năng thực hiện xét nghiệm: cho phép xét nghiệm được 6 mẫu với cả 2 loại xét nghiệm trực tiếp và gián tiếp (DAT và IAT),tâm soát và định danh kháng thể, xác định tương thích máu. Thành phần: 6 vi ống chứa anti-human globulin anti-IgG nguồn gốc từ thỏ. Loại mẫu: có thể làm được mẫu máu trong chất chống đông citrate hoặc EDTA hoặc CPD-A. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	3.220	38221900	82.950	267.099.000	
17	PP25004 03424	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định nhóm máu bán tự động	Dung dịch pha loãng hồng cầu	STAR Solution	GT2011	STAR Solution	2025-2026	Úc	Haemokineses Ltd	Thành phần: Chứa dung dịch cường độ ion thấp đã được điều chỉnh để phù hợp với pha loãng hồng cầu. Loại mẫu: có thể làm được mẫu máu trong chất chống đông citrate. EDTA hoặc CPD-A. Có chứa chất bảo quản. Hộp từ 500ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Hộp	18	38221900	1.848.000	33.264.000	
V	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM															316.221.234
18	PP25004 03425	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện di protein	Hóa chất điện di định lượng Protein Huyết thanh	2203 MINICAP PROTEIN(E) 6	2203	SEBIA	Từ năm 2024 trở về sau	Pháp	SEBIA	Bộ kit phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiểm bằng phương pháp điện di mao quản Protein huyết thanh thường sẽ tách thành 6 phần chính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016 Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	9	38221900	30.058.728	270.528.552	
19	PP25004 03425	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện di protein	Dung dịch rửa máy	2052 CAPILLARYS/ MINICAP WASH SOLUTION (2)	2052	SEBIA	Từ năm 2024 trở về sau	Pháp	SEBIA	Dung dịch rửa các mao quản cho các thiết bị điện di Hộp từ 150ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016 Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	2	34029019	2.357.838	4.715.676	
20	PP25004 03425	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện di protein	Dung dịch ly giải	2251 MINICAP FLEX-PIERCING CAPICLEAN	2251	SEBIA	Từ năm 2024 trở về sau	Pháp	SEBIA	Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự điện di Hộp từ 25ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016 Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	2	34029019	3.953.313	7.906.626	
21	PP25004 03425	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện di protein	Hóa chất kiểm chuẩn Protein	4785 NORMAL CONTROL (5)	4785	SEBIA	Từ năm 2024 trở về sau	Pháp	SEBIA	Huyết thanh kiểm chuẩn được sử dụng để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và apolipoprotein trong huyết thanh người bằng quy trình điện di Dạng bột đóng khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016 Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	4	38221900	2.234.358	8.937.432	
22	PP25004 03425	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện di protein	Hóa chất kiểm chuẩn Protein Hypergamma	4787 HYPERGAMMA CONTROL (5)	4787	SEBIA	Từ năm 2024 trở về sau	Pháp	SEBIA	Huyết thanh đối chứng tăng gamma được sử dụng để kiểm soát chất lượng định lượng điện di protein Dạng bột đóng khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016 Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	4	38221900	6.033.237	24.132.948	
VI	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ANH KHÔI															347.176.800
23	PP25004 03426	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định danh kháng sinh đồ	Thẻ định danh kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	BD Phoenix™ PMIC/ID-95	448614	BD Phoenix™ PMIC/ID-95	2025 về sau	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. Có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Test	300		237.300	71.190.000	
24	PP25004 03426	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định danh kháng sinh đồ	Thẻ định danh, kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	BD Phoenix™ NMIC/ID-504	449027	BD Phoenix™ NMIC/ID-504	2025 về sau	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi Có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang. Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Test	900		237.300	213.570.000	
25	PP25004 03426	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định danh kháng sinh đồ	Chỉ thị kháng sinh đồ AST Indicator	BD Phoenix™ AST Indicator Solution	246004	BD Phoenix™ AST Indicator Solution	2025 về sau	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)	Thành phần (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): Chỉ thị Redox nhỏ hơn 3g, Chất ổn định redox nhỏ hơn 20g Lọ từ 6ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Lo	8		360.150	2.881.200	
26	PP25004 03426	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định danh kháng sinh đồ	Canh tương làm kháng sinh đồ AST Broth	BD Phoenix™ AST Broth	246003	BD Phoenix™ AST Broth	2025 về sau	Mỹ	Becton, Dickinson and Company	Thành phần: (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết) Canh tương Mueller Hinton 22g . Polysorbate 80 0,01%. Quy cách tối thiểu: 8 ml/ống trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Ống	1.200		26.786	32.143.200	

STT	Mã phần (16)	Tên phần (16)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
27	PP2500403426	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy định danh kháng sinh đồ	Canh trường định danh ID Broth	BD Phoenix™ ID Broth	246001	BD Phoenix™ ID Broth	2025 về sau	Mỹ	Becton, Dickinson and Company	Thành phần (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): 7,5g Potassium chloride , 0,5g Calcium chloride, 0,895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0,025%. Quy cách tối thiểu: 4,5 ml/ống trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Ống	1.200		22.827	27.392.400	
VII CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG															7.208.246.675	
28	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Hoà chất Hemoglobin không có Cyanua	CN-Free HGB/ NOC Lyse CELL-DYN Ruby	03H80-02	CN-Free HGB/ NOC Lyse CELL-DYN Ruby	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Fisher Diagnostics, Mỹ	Thành phần gồm: Quaternary Ammonium Salt (<10%),Hydroxylamine Salt (<3%) Thùng 3,8 lit Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Thùng	69		17.208.828	1.187.409.132	
29	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng/ phá hồng cầu	Cell-Dyn Sapphire and Cell-Dyn Ruby systems Diluent/Sheath	01H73-01	Cell-Dyn Sapphire and Cell-Dyn Ruby systems Diluent/Sheath	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Fisher Diagnostics, Mỹ	Thành phần: Sodium Phosphate, Dibasic, Potassium Phosphate, Monobasic, Disodium EDTA, Dihydrate, Sodium Chloride, Potassium Chloride. Thùng 20 lit Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Thùng	552		4.119.150	2.273.770.800	
30	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải bạch cầu	WBC Lyse CELL-DYN Ruby	08H52-01	WBC Lyse CELL-DYN Ruby	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Fisher Diagnostics, Mỹ	Thành phần gồm : Chất đệm, Aromatic Oxy-Alcohol, Polyoxethylene Ether Thùng 3,8 lit Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Thùng	299		12.147.408	3.632.074.992	
31	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất tẩy rửa sử dụng cho máy huyết học	CELL DYN Enzymatic Cleaner Concentrate	99644-01	CELL DYN Enzymatic Cleaner Concentrate	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Fisher Diagnostics, Mỹ	Hóa chất tẩy rửa sử dụng trên máy huyết học Hộp 100ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Hộp	11		811.341	8.924.751	
32	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học	Cell- Dyn 29 Plus Control (with Retic)	08H58-01	Cell- Dyn 29 Plus Control (with Retic)	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Streck LLC, Mỹ	Hóa chất hiệu chuẩn cho thực hiện QC huyết học Máu toàn phần. Thành phần gồm: các nguyên vật liệu ổn định, dùng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác của các kết quả hemogram, biệt hóa WBC, và hồng cầu lưới; mẫu chuẩn được sử dụng và phân tích như mẫu bệnh phẩm, và có ba mức nồng độ đại diện cho kết quả huyết đồ thấp/hồng cầu lưới cao, huyết đồ bình thường/hồng cầu lưới trung bình, huyết đồ cao/hồng cầu lưới thấp. Loại đóng gói hộp 36 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Hộp	13		7.592.000	98.696.000	
33	PP2500403427	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm hồng cầu lưới	CELL-DYN Reticulocyte reagent	03H40-01	CELL-DYN Reticulocyte reagent	Năm 2024 trở đi	Mỹ	Fisher Diagnostics, Mỹ	Hóa chất được sử dụng cùng với phần mềm xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu lưới cho mẫu máu toàn phần. Thành phần: Dung dịch muối đệm Phosphate chứa Xanh Methylene, potassium oxalate và n-dodecyl β-D-maltoside. Hộp 370 mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Hộp	2		3.685.500	7.371.000	
VIII CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH															15.536.961.060	
34	PP2500403429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dịch phụ tiêu bản, chống bay hơi, cung cấp môi trường ổn định	LCS (Predilute)	05264839214	LCS (Predilute)	2024 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc	Là một dung dịch phụ pha sẵn, là lớp bảo vệ giữa các thuốc thử tan trong nước và không khí. Cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho các phản ứng hóa mô miễn dịch. Thành phần: hydrocarbon no, u trọng thấp và dầu khoáng. Thể tích: Hộp từ 2 lit trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	575		1.930.000	1.109.750.000	
35	PP2500403429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch đệm rửa tiêu bản và cung cấp môi trường ổn định	Reaction Buffer Concentrate (10X)	05353955214	Reaction Buffer Concentrate (10X)	2024 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc	Dung dịch được sử dụng để rửa tiêu bản giữa các bước nhuộm và cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho các ứng dụng hóa mô miễn dịch. Thành phần: dung dịch đệm TRIS , 0.05% ProClin 300 và chất bảo quản. Thể tích: Hộp từ 2 lit trở lên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	138		2.227.470	307.390.860	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
36	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu kháng thể đặc hiệu gắn kết kháng nguyên bằng cách tạo kết tủa màu nâu	ultraView Universal DAB Detection Kit	05269806001	ultraView Universal DAB Detection Kit	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Bộ kit được dùng để xác định các đích bằng phương pháp hóa mô miễn dịch trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mô đông lạnh. Thành phần: khoảng 55 µg/mL hỗn hợp kháng thể đánh dấu HRP (IgG kháng chuột từ dê, IgM kháng chuột từ dê, và kháng thể kháng thỏ từ dê) trong đệm chứa protein và chất bảo quản ProClin 300; 0,2% 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride trong dung dịch chứa chất ổn định; 0,04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate; đồng sulfate (5g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản. Hộp từ 250 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	101		25.549.230	2.580.472.230	
37	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử điều chỉnh màu của chất nhuộm tương phản hematoxylin	Bluing reagent	05266769001	Bluing reagent	2024 trở về sau	Trung Quốc / Đức / Mỹ	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc / Roche Diagnostics GmbH, Đức / Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Dung dịch này được sử dụng để điều chỉnh màu của chất nhuộm tương phản hematoxylin thành màu xanh dương trên hệ thống máy Benchmark Thành phần: dung dịch lithium carbonate 0,1 M trong sodium carbonate 0,5 M Hộp từ 250 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105		2.363.550	248.172.750	
38	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử nhuộm tương phản dùng để nhuộm nhân tế bào	Hematoxylin II	05277965001	Hematoxylin II	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Dung dịch này được sử dụng để nhuộm nhân tế bào trên tiêu bản chứa các tế bào từ mô lạnh hoặc mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin trên hệ thống máy Benchmark. Thành phần: 25ml Hematoxylin II (≤ 60%), chứa glycol và acid acetic ổn định dung dịch. Hộp từ 250 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105		3.471.300	364.486.500	
39	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên I	Cell Conditioning Solution (CC1)	05279801214	Cell Conditioning Solution (CC1)	2024 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc	Là một dung dịch pha sẵn với vai trò là bước tiền xử lý trong quá trình xử lý mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mẫu tế bào trong phương pháp hóa mô miễn dịch, lai tại chỗ, và hóa tế bào miễn dịch trên hệ thống máy Benchmark. Thành phần: dung dịch đệm Tris, và 0,05% ProClin 950 và chất bảo quản. Hộp từ 2 lít trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105		20.790.000	2.182.950.000	
40	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch khử paraffin khỏi mẫu mô và pha loãng dung dịch rửa	EZ Prep Concentrate (10X)	05279771001	EZ Prep Concentrate (10X)	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để khử paraffin khỏi mẫu mô trong các phản ứng hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ và dùng để pha loãng dung dịch đệm, được sử dụng trên máy rửa tiêu bản tự động Thành phần: khoảng 30% dung dịch khử paraffin và 0,5% ProClin 300, một chất bảo quản. Hộp từ 2 lít trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	57		11.880.000	677.160.000	
41	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch rửa tiêu bản và cung cấp môi trường ổn định	10X SSC	05353947214	10X SSC	2024 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc	Dung dịch đệm Sodium Chloride Sodium Citrate được sử dụng trong quá trình rửa nghiệm ngặt và để rửa tiêu bản giữa các bước nhuộm và cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước. Thành phần: natri chloride, đệm natri citrate, 0,05% ProClin 300... Thể tích: hộp 2 lít trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		2.672.000	16.032.000	
42	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử tăng cường độ phản ứng hóa mô miễn dịch	OptiView Amplification Kit	06396518001	OptiView Amplification Kit	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Bộ kit được sử dụng để nhuộm định tính mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin hoặc mô đông lạnh. Thành phần: dung dịch chứa tyramide gắn chất kết nối mang HQ (<40 µg/mL) trong dung dịch chứa chất bảo quản ProClin 300; kháng thể chuột kháng HQ:HRP (<10 µg/mL) pha loãng trong dung dịch chứa chất bảo quản ProClin 300; dung dịch H2O2 0,04% Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13		4.200.000	54.600.000	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
43	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu kháng thể đặc hiệu gắn kết kháng nguyên	OptiView DAB IHC Detection Kit	06396500001	OptiView DAB IHC Detection Kit	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Bộ kit được dùng để xác định các đích bằng phương pháp hóa mô miễn dịch trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mô đông lạnh. Thành phần: dung dịch hydrogen peroxide 3,0%; khoảng 50 µg/mL hỗn hợp kháng thể đánh dấu HQ (HQ là một hapten thích hợp để gắn cộng hợp với kháng thể từ dê) trong đệm chứa protein và 0,05% chất bảo quản ProClin 300; khoảng 40 µg/mL kháng thể thứ 3 đơn dòng từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP trong đệm chứa protein và 0,05% chất bảo quản ProClin 300; 0,2% 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB) trong dung dịch chứa chất ổn định và chất bảo quản tương thích; 0,04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate; đồng sulfate (5,0 g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản thích hợp Hộp từ 250 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		27.300.000	163.800.000	
44	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Progesterone Receptor (PR)	CONFIRM anti Progesterone Receptor (PR) (1E2) Rabbit Monoclonal Primary Antibody (50 tests)	05277990001	CONFIRM anti Progesterone Receptor (PR) (1E2) Rabbit Monoclonal Primary Antibody (50 tests)	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính kháng nguyên thụ thể progesterone (PR) trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên PR người. Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	41		12.792.150	524.478.150	
45	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Ki-67	CONFIRM anti-Ki-67 (30-9) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05278384001	CONFIRM anti-Ki-67 (30-9) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein Ki-67 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 10 µg (2 µg/mL) kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp Ki-67 có trong mô Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	48		9.232.650	443.167.200	
46	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Estrogen Receptor	CONFIRM anti-Estrogen Receptor (ER) (SP1) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05278406001	CONFIRM anti-Estrogen Receptor (ER) (SP1) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính kháng nguyên thụ thể estrogen (ER) trên các lát cắt mô và được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên ER của người. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	46		7.749.000	356.454.000	
47	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Chromogranin A	Anti-Chromogranin A (LK2H10) Primary Antibody	05267056001	Anti-Chromogranin A (LK2H10) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Chromogranin A dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		4.387.950	26.327.700	
48	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD20	CONFIRM anti-CD20 (L26) Primary Antibody	05267099001	CONFIRM anti-CD20 (L26) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng trong phòng xét nghiệm để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD20 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 1,5 µg kháng thể (L26) đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		8.287.650	91.164.150	
49	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Pan Keratin	Anti-Pan Keratin (AE1/AE3/PCK26) Primary Antibody	05267145001	Anti-Pan Keratin (AE1/AE3/PCK26) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Thể hiện kiểu bất màu tế bào chất và được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định các tế bào biểu mô bình thường và bất thường và hỗ trợ xác định dòng khối u, dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 231,5 µg hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		6.598.200	72.580.200	
50	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD3	CONFIRM anti-CD3 (2GV6) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05278422001	CONFIRM anti-CD3 (2GV6) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD3 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 2 µg kháng thể (2GV6) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		8.287.650	91.164.150	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
51	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 20	CONFIRM anti-Cytokeratin 20 (SP33) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05587760001	CONFIRM anti-Cytokeratin 20 (SP33) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 20 (CK20) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 9,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	16		11.760.000	188.160.000	
52	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm p63	VENTANA anti-p63 (4A4) Mouse Monoclonal Primary Antibody	05867061001	VENTANA anti-p63 (4A4) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Thể hiện kiểu bất máu nhân và có thể sử dụng để hỗ trợ trong phân biệt thương tổn tuyến tiền liệt hoặc vú lành tính và ác tính và trong ung thư phổi tế bào vảy và ung thư tuyến phổi. Được dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 0,7 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		8.117.550	73.057.950	
53	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 7	Confirm anti-Cytokeratin 7 (SP52) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05986818001	Confirm anti-Cytokeratin 7 (SP52) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 7 (CK7) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	20		11.817.750	236.355.000	
54	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 5/6	anti-Cytokeratin 5/6 (D5/16B4) Mouse Monoclonal Primary Antibody	06478441001	anti-Cytokeratin 5/6 (D5/16B4) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 5 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 28 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		9.172.800	82.555.200	
55	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD15	CONFIRM anti-CD15 (MMA) Mouse Monoclonal Primary Antibody	05266904001	CONFIRM anti-CD15 (MMA) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD15 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 56 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		5.991.000	35.946.000	
56	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Desmin	CONFIRM anti-Desmin (DE-R-11) Primary Antibody	05267005001	CONFIRM anti-Desmin (DE-R-11) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch desmin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 25 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp desmin có trong mô. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		4.387.950	26.327.700	
57	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Actin, Smooth Muscle	Actin, Smooth Muscle (1A4) Mouse Monoclonal Antibody	05268303001	Actin, Smooth Muscle (1A4) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được dùng để phát hiện protein smooth muscle actin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm trở lên. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Lớp kháng thể: IgG/k Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		7.779.450	46.676.700	
58	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm S100	CONFIRM anti-S100 (Polyclonal) Primary Antibody	05267072001	CONFIRM anti-S100 (Polyclonal) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định sự bình thường và bất thường của các tế bào thuộc dòng thần kinh và thần kinh nội tiết. Thành phần: khoảng 50 µg kháng thể đa dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		4.432.050	26.592.300	
59	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Vimentin	CONFIRM anti-Vimentin (V9) Primary Antibody	05278139001	CONFIRM anti-Vimentin (V9) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch vimentin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		7.225.390	28.901.560	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
60	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD30	anti-CD30 (Ber-H2) Mouse Monoclonal Primary Antibody	07007841001	anti-CD30 (Ber-H2) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện protein CD30 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 6 µg kháng thể (Ber-H2) đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		11.550.000	69.300.000	
61	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD34	CONFIRM anti-CD34 (QBEnd/10) Primary Antibody	05278210001	CONFIRM anti-CD34 (QBEnd/10) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để định tính CD34 bằng kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 4 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp CD34 có trong mô. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		11.817.750	47.271.000	
62	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD68	CONFIRM anti-CD68 (KP-1) Primary Antibody	05278252001	CONFIRM anti-CD68 (KP-1) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		4.452.000	8.904.000	
63	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Melanosome	CONFIRM anti-Melanosome (HMB45) Mouse Monoclonal Primary Antibody	05479282001	CONFIRM anti-Melanosome (HMB45) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein PreMelanosome (PMEL) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		7.025.550	14.051.100	
64	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Synaptophysin	CONFIRM anti-Synaptophysin (SP11) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05479304001	CONFIRM anti-Synaptophysin (SP11) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch synaptophysin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 0,3 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		8.494.500	76.450.500	
65	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm EMA	CONFIRM anti-EMA (E29) Mouse Monoclonal Primary Antibody	05878900001	CONFIRM anti-EMA (E29) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để hỗ trợ việc xác định kháng nguyên trên màng biểu mô trong ung thư tuyến có nguồn gốc từ biểu mô bài tiết, u trung biểu mô ác tính, ung thư biểu mô tế bào thận và u màng não, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		8.864.100	35.456.400	
66	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD99	CONFIRM anti-CD99 (O13) Mouse Monoclonal Primary Antibody	05913594001	CONFIRM anti-CD99 (O13) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để hỗ trợ xác định sarcom Ewing và các khối u ngoại bì thân kinh ngoại biên có liên quan, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		9.172.800	18.345.600	
67	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Napsin A	Napsin A (MRQ-60) PAb, Cell Marque	07047720001	Napsin A (MRQ-60) PAb, Cell Marque	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được dùng để phát hiện protein Napsin A trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		10.483.200	94.348.800	
68	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CEA	CEA (CEA31) Mouse Monoclonal Antibody	06433316001	CEA (CEA31) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được để phát hiện Glycoprotein CEA trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		7.386.750	14.773.500	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
69	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm bcl-2	anti-bcl-2 (SP66) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	06446329001	anti-bcl-2 (SP66) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho nang và u lympho tế bào lớn, nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 1,0 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		13.650.000	150.150.000	
70	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Thyroid Transcription Factor-1	anti-Thyroid Transcription Factor-1 (SP141) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	06640613001	anti-Thyroid Transcription Factor-1 (SP141) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch yếu tố phiên mã tuyến giáp 1 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 28,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	18		6.899.550	124.191.900	
71	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm p53	Anti-p53 (Bp53-11) Primary Antibody	05267102001	Anti-p53 (Bp53-11) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp epitope hiện diện trên kháng thể p53 người. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		10.340.400	93.063.600	
72	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Thyroglobulin	Thyroglobulin (2H11+6E1) Mouse Monoclonal Antibody	05267820001	Thyroglobulin (2H11+6E1) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện Thyroglobulin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		10.597.650	42.390.600	
73	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Myogenin	Myogenin (F5D) Mouse Monoclonal Antibody	05268290001	Myogenin (F5D) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein myogenin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		7.854.000	15.708.000	
74	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm bcl-6	bcl-6 (G1191E/A8) Mouse Monoclonal Antibody	05269008001	bcl-6 (G1191E/A8) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein bcl-6 trong mô được cố định bằng formalin-vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13		8.117.550	105.528.150	
75	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD21	CD21 (EP3093) Rabbit Monoclonal Antibody	05973902001	CD21 (EP3093) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein CD21 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Một ống thuốc thử kháng thể CD21 (EP3093) chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Nguồn: Dịch nội Hộp 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		8.200.500	16.401.000	
76	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD138/syndecan-1	CD138/syndecan-1 (B-A38) Mouse Monoclonal Antibody	05269083001	CD138/syndecan-1 (B-A38) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein CD138/syndecan-1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		7.534.800	15.069.600	



STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
77	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 19	Cytokeratin 19 (A53-B/A2.26) Mouse Monoclonal Antibody	05269440001	Cytokeratin 19 (A53-B/A2.26) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein Cytokeratin 19 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		6.231.750	24.927.000	
78	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm ALK1 trong chẩn đoán u lympho	CONFIRM Anti-ALK1 (ALK-01) Primary Antibody	05278783001	CONFIRM Anti-ALK1 (ALK-01) Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để nhuộm định tính các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 25 µg (5 µg/mL) kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp protein p80 hiện diện trong mô Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		8.564.850	17.129.700	
79	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm WT1	WT1 (6F-H2) Mouse Monoclonal Antibody	05435706001	WT1 (6F-H2) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein WT1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		12.447.750	74.686.500	
80	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD23	CONFIRM anti-CD23 (SP23) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05479258001	CONFIRM anti-CD23 (SP23) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD23 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		7.862.400	31.449.600	
81	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm PAX5	CONFIRM anti-PAX5 (SP34) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05552729001	CONFIRM anti-PAX5 (SP34) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng hỗ trợ trong xác định tế bào bình thường hay dòng ung thư nội tiết của dòng tế bào lympho B. Thành phần: chứa khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng tái tổ hợp từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		9.172.800	36.691.200	
82	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD4	CONFIRM anti-CD4 (SP35) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05552737001	CONFIRM anti-CD4 (SP35) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để định tính CD4 trên các lát cắt mô thường và mô ung thư được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng tái tổ hợp từ thỏ. Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		8.190.000	16.380.000	
83	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD79a	CONFIRM anti-CD79a (SP18) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05640296001	CONFIRM anti-CD79a (SP18) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện CD79a trong mô bình thường và mô ung thư người. Anti-CD79a kháng trực tiếp một protein biểu hiện trên bề mặt tế bào lympho B ở tất cả các giai đoạn trưởng thành, từ tiền tế bào lympho B qua tế bào huyết tương. Thành phần: chứa khoảng 1,5 µg kháng thể (SP18) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		6.552.000	13.104.000	
84	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD10	VENTANA anti-CD10 (SP67) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05857856001	VENTANA anti-CD10 (SP67) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng trong phòng xét nghiệm để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD10 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 24,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		14.034.300	154.377.300	
85	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Cyclin D1	VENTANA anti-Cyclin D1 (SP4-R) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05862949001	VENTANA anti-Cyclin D1 (SP4-R) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Thể hiện kiểu bất màu nhân và có thể được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào vó và ung thư vú, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		10.999.800	98.998.200	

STT	Mã phần (tô)	Tên phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
86	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD5	CONFIRM anti-CD5 (SP19) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05929903001	CONFIRM anti-CD5 (SP19) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào T và loại u lympho tế bào B não đờ, bao gồm u lympho tế bào vò. Thành phần: chứa khoảng 4 µg kháng thể (SP19) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		5.991.300	53.921.700	
87	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm MSH6	VENTANA anti-MSH6 (SP93) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	08033676001	VENTANA anti-MSH6 (SP93) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính protein MSH6 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		9.882.250	39.529.000	
88	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD8	anti-CD8 (SP239) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	09780041001	anti-CD8 (SP239) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào T và xác định các phân nhóm tế bào T đặc/ức chế trong các tế bào lympho T trong mô bình thường. Thành phần: chứa khoảng 51 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		6.605.550	13.211.100	
89	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Calretinin	CONFIRM anti-Calretinin (SP65) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05992184001	CONFIRM anti-Calretinin (SP65) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, hỗ trợ trong việc xác định u trung biểu mô và phân biệt u trung biểu mô với ung thư tuyến. Thành phần: chứa khoảng 30 µg kháng thể (SP65) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		7.854.000	47.124.000	
90	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm HER2/neu	VENTANA anti-HER2/neu (4B5) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	05999570001	VENTANA anti-HER2/neu (4B5) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để bán định lượng kháng nguyên HER2 trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin của mô vùi và đã dày bình thường và tăng sinh. Thành phần: chứa khoảng 30 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên HER2 người. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	39		19.552.050	762.529.950	
91	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm MUM1	MUM1 (EP190) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	08313482001	MUM1 (EP190) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein MUM1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chu: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		12.600.000	113.400.000	
92	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm DOG1	DOG1 (SP31) Rabbit Monoclonal Antibody	06433189001	DOG1 (SP31) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein DOG-1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chu: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		9.135.000	18.270.000	
93	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Synaptophysin (I)	Synaptophysin (MRQ-40) Rabbit Monoclonal Antibody	06433324001	Synaptophysin (MRQ-40) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện Synaptophysin glycoprotein trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng trong chẩn đoán in vitro. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với 1% BSA và < 0,1% Natri Azide Vật chu: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		8.494.500	16.989.000	
94	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm MLH1	VENTANA anti-MLH1 (M1) Mouse Monoclonal Primary Antibody	08033668001	VENTANA anti-MLH1 (M1) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính protein MLH1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		9.882.250	39.529.000	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
95	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm ALK trong chẩn đoán ung thư phổi	VENTANA anti-ALK (D5F3) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	06679072001	VENTANA anti-ALK (D5F3) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein bạch huyết bào kinase tự ghép trong mô ung thư phổi không tế bào nhỏ được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 70 µg kháng thể đơn dòng tự do (D5F3). Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		19.552.050	175.968.450	
96	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm định tính protein p16INK4a	CINtec® p16 Histology	06695248001	CINtec® p16 Histology	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để định tính protein p16INK4a trên lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin từ sinh thiết cổ tử cung, được sử dụng kết hợp với các tiêu bản nhuộm H&E được chuẩn bị từ mẫu mô cổ tử cung để tăng độ chính xác cho chẩn đoán. Thành phần: khoảng 5,0 µg kháng thể đơn dòng tự do. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9		9.922.500	89.302.500	
97	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CDX-2	CDX-2 (EPR2764Y) Rabbit Monoclonal Antibody	05463491001	CDX-2 (EPR2764Y) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein CDX-2 trong mô người được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0.1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		7.350.000	44.100.000	
98	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm PD-L1 dùng chẩn đoán ung thư phổi	VENTANA PD-L1 (SP263) Assay	07419821001	VENTANA PD-L1 (SP263) Assay	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để phát hiện định tính protein phối tử chết theo chương trình 1 (PD-L1) trong mô ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC) được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE) và các mô khối u khác. Thành phần: khoảng 8 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		56.840.700	341.044.200	
99	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD117	anti-CD117 (EP10) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	08763909001	anti-CD117 (EP10) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein CD117 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		11.668.650	70.011.900	
100	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Mammaglobin	Mammaglobin (31A5) Rabbit Monoclonal Antibody	05269253001	Mammaglobin (31A5) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện glycoprotein Mammaglobin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0.1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		9.172.000	18.344.000	
101	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD45 (LCA)	CD45 (LCA) (2B11 & PD7/26) Mouse Monoclonal Antibody	05269423001	CD45 (LCA) (2B11 & PD7/26) Mouse Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein CD45 (LCA) trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0.1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		6.795.000	40.770.000	
102	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm CD56	CD56 (MRQ-42) Rabbit Monoclonal Antibody	06433359001	CD56 (MRQ-42) Rabbit Monoclonal Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được sử dụng để phát hiện protein CD56 trên mô người được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0.1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		10.483.200	62.899.200	
103	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu đo trong lai tại chỗ	VENTANA RED ISH DIG DETECTION KIT	08318832001	VENTANA RED ISH DIG DETECTION KIT	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được sử dụng để xác định các đích bằng phương pháp lai tại chỗ, gắn chất tạo màu đỏ trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 7,5 µg/mL kháng thể đánh dấu hapten kháng DIG trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0,05% dung dịch ProClin, một chất bảo quản. Hộp từ 60 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		33.883.500	203.301.000	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
104	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch đệm trong formamide sử dụng với xét nghiệm lai tại chỗ	HybReady Solution	05917557001	HybReady Solution	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Là dung dịch đệm trong formamide được sử dụng với các xét nghiệm lai tại chỗ trên các dòng máy Benchmark XT Thành phần: dung dịch đệm tiền lai có nồng độ khoảng 55% formamide. Hộp 25ml trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		13.125.000	26.250.000	
105	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch cung cấp môi trường nước phù hợp trên tiêu bản trước bước phản ứng hóa học phát hiện bạc	ultraView Silver Wash II	05446724214	ultraView Silver Wash II	2024 trở về sau	Trung Quốc	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., Trung Quốc	Được sử dụng trong phòng xét nghiệm để cung cấp môi trường nước phù hợp trước bước phản ứng hóa học để phát hiện bạc Thành phần: chứa đệm citrate khoảng 0,5 M và khoảng 0,1% ProClin 300 Chai có thể tích từ 2 Lit trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13		6.562.500	85.312.500	
106	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch bộ lọc kháng nguyên 2	Cell Conditioning Solution (CC2)	05279798001	Cell Conditioning Solution (CC2)	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Là một dung dịch dùng như bước tiền xử lý trong quá trình xử lý mẫu mô trong phản ứng nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ Thành phần: dung dịch đệm citrate, và 5% ethylene glycol, và 0,05% ProClin 300, một chất bảo quản. Chai từ 1 lit trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		25.987.000	155.922.000	
107	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu đen trong lai tại chỗ	VENTANA SILVER ISH DNP DETECTION KIT	08318883001	VENTANA SILVER ISH DNP DETECTION KIT	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Là một hệ thống gián tiếp để phát hiện các đích đã đánh dấu DNP. Thành phần: đủ cho 60 xét nghiệm gồm: khoảng 12,5 µg/mL kháng thể kháng DNP đánh dấu hapten trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0,05% dung dịch ProClin, một chất bảo quản. khoảng 25 µg/mL kháng thể kháng HQ và liên hợp với enzym peroxidase trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0,05% dung dịch ProClin 300, một chất bảo quản. khoảng 1% CH3COOAg trong một dung dịch có nước. khoảng 1% C6H6O2 trong một dung dịch có nước. khoảng 0,2% H2O2 trong một dung dịch có nước. Hộp từ 60 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		33.883.500	203.301.000	
108	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm hóa mô miễn dịch để xác định sự gắn kết không đặc hiệu của globulin miễn dịch từ thỏ	Rabbit Monoclonal Negative Control Ig	06683380001	Rabbit Monoclonal Negative Control Ig	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng làm mẫu vật liệu kiểm soát cho sự gắn kết không đặc hiệu của globulin miễn dịch từ thỏ trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa khoảng 250 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 250 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		5.250.000	10.500.000	
109	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm p40	anti-p40 (BC28) Mouse Monoclonal Primary Antibody	07394420001	anti-p40 (BC28) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện protein p40 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 2,0 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13		8.117.550	105.528.150	
110	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm c-MYC	anti-c-MYC (Y69) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	06504612001	anti-c-MYC (Y69) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein c-MYC dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 120 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		11.550.000	69.300.000	
111	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm GATA3	GATA3 (LS0-823) Mouse Monoclonal Primary Antibody	07107749001	GATA3 (LS0-823) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được dùng để phát hiện protein GATA3 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		9.744.000	38.976.000	
112	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm PAX8	anti-PAX8 (MRQ-50) Mouse Monoclonal Primary Antibody	06523927001	anti-PAX8 (MRQ-50) Mouse Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được dùng để phát hiện protein PAX8 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6		9.135.000	54.810.000	



STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
113	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm SOX-10	SOX-10 (SP267) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	07560389001	SOX-10 (SP267) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Được dùng để phát hiện protein SOX-10 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4		9.882.390	39.529.560	
114	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng trạng thái gen HER2 bằng phương pháp lai tại chỗ	VENTANA HER2 Dual ISH DNA Probe Cocktail	08314373001	VENTANA HER2 Dual ISH DNA Probe Cocktail	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để xác định trạng thái gen HER2 bằng phương pháp đếm ti lệ gen HER2 so với nhiễm sắc thể 17 dưới kính hiển vi quang học. Thành phần: chứa khoảng 14 µg/mL các đoạn dò HER2 đánh dấu dinitrophenyl (DNP) và 0,24 µg/mL của các đoạn dò Nhiễm sắc thể 17 đánh dấu digoxigenin (DIG) kết hợp trong dung dịch đệm lai hóa gốc formamide. Hộp từ 30 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11		70.875.000	779.625.000	
115	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Dung dịch enzyme phân cắt protein trong lát cắt mô trong ứng dụng lai tại chỗ 3	ISH Protease 3	05273331001	ISH Protease 3	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Được dùng để phân cắt bằng enzyme các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin hoặc mẫu tế bào. Thành phần: chứa khoảng 0,24 casein U/mL, trong dung dịch đệm Tris ổn định enzyme có chứa natri azide. Hộp từ 200 test trở lên. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		7.218.750	14.437.500	
116	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Vật liệu thẩm định khi cài đặt xét nghiệm ban đầu và/hoặc trong xử lý sự cố trong lai tại chỗ hai màu HER2	HER2 Dual ISH 3-in-1 Xenograft Slides	05640300001	HER2 Dual ISH 3-in-1 Xenograft Slides	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Thành phần: Mỗi tiêu bản chứa ba đồng tế bào ung thư biểu mô người khác nhau được cố định trong formalin, vùi trong paraffin, mỗi tiêu bản với một trạng thái gen HER2 khác nhau đại diện cho khoảng đồng học, được tạo ra như ở khối u (ghép ngoại lai) trong chuột SCID. Hộp từ 10 slide trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		5.250.000	10.500.000	
117	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Arginase-1	Anti-Arginase-1 (SP156) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	06732348001	Anti-Arginase-1 (SP156) Rabbit Monoclonal Primary Antibody	2024 trở về sau	Mỹ	Cell Marque Corporation, Mỹ	Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Thỏ - Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		10.500.000	21.000.000	
118	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Thuốc thử xét nghiệm Epstein-Barr Virus Early RNA (EBER)	INFORM EBER (Epstein-Barr Virus Early RNA) Probe	05278660001	INFORM EBER (Epstein-Barr Virus Early RNA) Probe	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	Thành phần: khoảng 750 ng/mL đoạn dò đánh dấu huỳnh quang, được pha với fish blocking DNA trong dung dịch đệm lai lai gốc formamide - Hộp từ 50 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2		23.839.900	47.679.800	
119	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Mực in mã vạch	THERMAL TRANSFER RIBBON	05250889001	THERMAL TRANSFER RIBBON	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	1 cuộn ruy băng mực in đủ in 8100 nhãn trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Cuộn	4		1.822.500	7.290.000	
120	PP25004 03429	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy hóa mô miễn dịch	Sticker dán lam	EbarTM Label Kit	05248850001	EbarTM Label Kit	2024 trở về sau	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., Mỹ	1 cuộn chứa từ 500 nhãn trắng trở lên, dùng để in nhãn cho xét nghiệm nhuộm hóa mô miễn dịch Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Cuộn	69		3.665.000	252.885.000	
IX	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG															
121	PP25004 03430	Bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung	Bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung	Bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung ThinPrep Pap Test		ThinPrep Pap Test	2024 trở về sau	Mỹ; Hà Lan	- Hologic, Inc.; - New Erie Scientific Llc; - Rovers Medical Devices B.V	Bộ xét nghiệm tế bào nhúng dịch sàng lọc ung thư cổ tử cung với công nghệ màng lọc Mục đích sử dụng: tầm soát tế bào ung thư cổ tử cung Thành phần: 1 dung dịch đệm bảo quản (có thể tích 20ml) có thành phần chính: methanol. Có nồng độ pH: 5,6± 0,5. Thời gian bảo quản tế bào trong vòng 6 tuần ở nhiệt độ thường. 1 màng lọc: hình trụ, bằng nhựa, đường kính 2cm với một màng polycarbonate gắn ở cuối hình trụ 1 lam kính: Lam bằng thủy tinh, tích diện dương: 01 chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung: Được làm bằng nhựa PE Đạt tiêu chuẩn FDA; CE. Xuất xứ: G7; Châu Âu. Sử dụng thích hợp với máy xét nghiệm tế bào Thin-Prep 2000 processor.	Kit	6.773	3822	380.000	2.573.740.000	
X	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NỘI SAO VIỆT															

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
122	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đái tháo đường, 2 mức nồng độ	Lyphocek Diabetes Control	740	Lyphocek Diabetes Control	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm đái tháo đường, 2 mức nồng độ. Thành phần: máu toàn phần từ người, dạng đóng khô. Bao gồm 2 mức nồng độ với các xét nghiệm Hemoglobin (Total), Hemoglobin A1C, Hemoglobin F Có giá trị tham chiếu cho máy sinh hoá phổ biến Quy cách hộp 6 lọ x 0,5ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	Hộp	6		3.870.000	23.220.000	
123	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 1	Lyphocek Coagulation Control, level 1	744	Lyphocek Coagulation Control, level 1	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đóng khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp 12 lọ x 1ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Hộp	16		3.450.000	55.200.000	
124	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 2	Lyphocek Coagulation Control, level 2	745	Lyphocek Coagulation Control, level 2	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đóng khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp 12 lọ x 1ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Hộp	16		3.450.000	55.200.000	
125	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 3	Lyphocek Coagulation Control, level 3	746	Lyphocek Coagulation Control, level 3	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 3 - Hóa chất sử dụng trong các chương trình nội kiểm - Thành phần: Huyết tương người, dạng đóng khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp 12 lọ x 1ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Hộp	16		3.450.000	55.200.000	
126	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức 1	Liquichek Urinalysis Control, level 1	436	Liquichek Urinalysis Control, level 1	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1. - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi Lọ 12ml; hộp 12 lọ x 12 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	27		384.000	10.368.000	
127	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức 2	Liquichek Urinalysis Control, level 2	437	Liquichek Urinalysis Control, level 2	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2. - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi Lọ 12ml; hộp 12 lọ x 12 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	27		384.000	10.368.000	
128	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 1	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 1	371	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 1	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ 5ml; hộp 12 lọ x 5ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	8		530.000	4.240.000	
129	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 2	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 2	372	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 2	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ 5ml; hộp 12 lọ x 5ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	8		534.000	4.272.000	
130	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 3	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 3	373	Lyphocek Immunoassay Plus Control, level 3	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ 5ml; hộp 12 lọ x 5ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	8		530.000	4.240.000	
131	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 1	Lyphocek Tumor Marker Plus Control, level 1	367	Lyphocek Tumor Marker Plus Control, level 1	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ 2ml; hộp 6 lọ x 2 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	4		1.070.000	4.280.000	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
132	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 2	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, level 2	368	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, level 2	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ 2ml; hộp 6 lọ x 2 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	4		1.070.000	4.280.000	
133	PP25004 03428	Hóa chất nội kiểm	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 3	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, level 3	369	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, level 3	Năm 2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đóng khô - Gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ 2ml; hộp 6 lọ x 2 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016	Lọ	4		1.070.000	4.280.000	
Tổng cộng: 133 mặt hàng															45.550.792.369	

HỒ ĐÀ